

Số: 513/2021/QĐST-HNGĐ

T, ngày 12 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 444/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thanh T1, sinh năm 1987;

Thường trú: 32/36/14 đường N, Phường N1, thành phố V, tỉnh L;

Địa chỉ tạm trú: 03.02 đường Q, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh B;

Địa chỉ tạm trú: 03.02 đường Q, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thanh T1 và ông Nguyễn Văn T2.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thanh T1 và ông Nguyễn Văn T2 thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Không có.
 - Về tài sản chung: Không có.
 - Về nợ chung: Không có.
 - Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thanh T1 tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T1 đã nộp

300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0030412 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Hoàn lại cho bà T1 số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai nói trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND Phường N, thành phố V, tỉnh L;
(Đề ghi vào sổ hộ tịch đối với GCNKH số 64
cấp ngày 24/9/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Sâm